

Ch₂ Độ Thu₂

Văn b₂n Pháp luật

Trụ cột c₂a hệ th₂ng thu₂ được thi₂t lập b₂i:

(i) Luật Qu₂n lý Thu₂ năm 2019 đưa ra những quy định chung v₂:

- (a) Đăng ký thu₂, khai thu₂, nộp thu₂, ₂n định thu₂;
- (b) Th₂ tục hoàn thu₂, mi₂n thu₂ và gi₂m thu₂;
- (c) Xóa nợ ti₂n thu₂, ti₂n phạt;
- (d) Qu₂n lý thông tin v₂ người nộp thu₂;
- (e) Ki₂m tra thu₂, thanh tra thu₂;
- (f) Cưỡng ch₂ thi hành quy₂t định hành chính thu₂;
- (g) X₂ lý vi phạm v₂ thu₂;
- (h) Gi₂i quy₂t khi₂u nại, t₂ cáo v₂ thu₂; và

(ii) các luật v₂ thu₂ khác quy định chi ti₂t v₂ đ₂i tượng chịu thu₂, đ₂i tượng không chịu thu₂, cơ s₂ tính thu₂ và bi₂u thu₂, mi₂n thu₂ và gi₂m thu₂, khi₂u nại và gi₂i quy₂t vi phạm đ₂i với từng loại thu₂ cụ th₂..., ví dụ, g₂m Luật Thu₂ Thu nhập Doanh nghiệp được thông qua năm 2008, và được s₂a đ₂i, b₂ sung vào các năm 2013, 2014 và 2000; Luật Thu₂ Giá trị Gia tăng được thông qua năm 2008, và được s₂a đ₂i, b₂ sung vào các năm 2013, 2014 và 2016; Luật Thu₂ Tiêu thụ Đặc biệt được thông qua năm 2008, và được s₂a đ₂i, b₂ sung vào các năm 2014, 2016 và 2022; Luật Thu₂ Thu nhập Cá nhân thông qua năm 2007, và được s₂a đ₂i, b₂ sung vào các năm 2012 và 2014; Luật Thu₂ tài nguyên được thông qua năm 2009, được s₂a đ₂i, b₂ sung vào năm 2014; Luật Thu₂ s₂ dụng đ₂t phi nông nghiệp và Luật Thu₂ b₂o vệ môi trường được thông qua năm 2010; và Luật Thu₂ Xu₂t kh₂u, Thu₂ Nhập kh₂u được thông qua năm 2016.

Chính phủ và các Bộ, ngành cũng đã ban hành hàng trăm Nghị định, Thông tư và các quy định khác vào các thời điểm khác nhau để hướng dẫn thực hiện cho các Luật về thuế này; ví dụ như Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam ("**Thông tư 103/2014/TT-BTC**"); Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam ("**Thông tư 205/2013/TT-BTC**").

Các loại Thuế

Theo hệ thống pháp luật về thuế hiện hành, các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cần biết ít nhất các loại thuế sau:

- (i) Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- (ii) Thuế giá trị gia tăng;
- (iii) Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- (iv) Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài;
- (v) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- (vi) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- (vii) Thuế tài nguyên;
- (viii) Thuế bảo vệ môi trường;
- (ix) Thuế nhà thầu nước ngoài; và
- (x) Thuế thu nhập cá nhân.

Chi tiết từng loại thuế được mô tả dưới đây.

Thu thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Thu suất Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“**thuế TNDN**”) hiện tại là 20% kể từ tháng 1 năm 2016, đã được giảm từ các mức 32%, 28%, 25% và 22% trong quá khứ theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung, và được áp dụng với tất cả các pháp nhân; ngoại trừ:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50%. Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể phù hợp với từng dự án, từng cơ sở kinh doanh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Đối với các mỏ tài nguyên bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimon, đá quý, đất hiếm áp dụng thuế suất là 50%, trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trả lên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 40%.

Những ưu đãi về thuế giảm ưu đãi về thuế suất, hoãn thuế và giảm thuế:

(i) Thuế suất 10% được áp dụng đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, và giám định tư pháp;
- Thu nhập của cơ quan báo chí từ hoạt động báo in, kể cả quảng cáo trên báo in theo quy định của Luật Báo chí; thu nhập của cơ quan xuất bản từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản;
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư – kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua

đổi với các đối tượng quy định tại Luật Nhà ở;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;

(ii) Thu nhập 10% trong vòng 15 năm được áp dụng đối với:

- Thu nhập của các doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại những địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; đầu tư xây dựng – kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; sản xuất sản phẩm phân bón; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường;
- Thu nhập của các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:
- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ Đồng Việt Nam, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ Đồng Việt Nam/năm, chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu;
- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ Đồng Việt Nam, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và số dụng trên 3.000 lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu từ dự án đầu tư.
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao;
- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt – may; da – giày; điện tử – tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01/01/2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu (EU) hoặc tương đương.
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và dự án khai thác khoáng sản, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 000 tỷ Đồng Việt Nam, số dụng công nghệ phải được thẩm định theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và công nghệ, thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 5 năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.
- Thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và

thị trường không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thu nhập 17% được áp dụng đối với thu nhập của Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.
- Thu nhập 17% trong vòng 10 năm được áp dụng đối với:
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn;
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thuốc sản; phát triển ngành nghề truyền thống.

Đối với dự án công nghệ đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thu nhập ưu đãi có thể kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 15 năm.

Đối với các dự án đầu tư có tác động kinh tế – xã hội lớn, bao gồm:

- Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả các dự án mở rộng) trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng Việt Nam trở lên và giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng Việt Nam trong phạm vi ba (3) năm kể từ ngày GCNĐKĐT hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư được cấp; và các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
- Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng Việt Nam trở lên, giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng Việt Nam trong thời hạn ba (3) năm, kể từ ngày GCNĐKĐT hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư được cấp;

Thủ tướng có thể quyết định áp dụng:

- Thuế suất ưu đãi giảm đến 5%. Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 22,5 năm, được gia hạn không quá 15 năm và không vượt quá thời hạn của dự án đầu tư; và
- Miễn thuế không quá 6 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo.

Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp một doanh nghiệp không phát sinh thu nhập chịu thuế trong vòng 3 năm kể từ năm phát sinh doanh thu đầu tiên, sẽ áp dụng miễn thuế hoặc giảm thuế từ năm thứ tư.

Thuế Giá trị Gia tăng

Thuế Giá trị Gia tăng ("**thuế GTGT**") là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa và dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng (đối với một số loại còn phải chịu cả Thuế Tiêu thụ Đặc biệt như đã cập tại mục 16.5 dưới đây). Theo Luật Thuế GTGT 2008 đã được sửa đổi, bổ sung, có 3 mức thuế suất Thuế GTGT (thay vì 4 mức trước đây) như sau:

- Thuế suất 0% được áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài); vận tải quốc tế; và hàng hóa, dịch vụ không phải chịu thuế GTGT được xuất khẩu; trừ các trường hợp sau:
- Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;
- Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài;
- Chuyển nhượng vốn, dịch vụ cấp tín dụng, đầu tư chứng khoán ra nước ngoài;

- Dịch vụ tài chính phái sinh;
- Dịch vụ bưu chính, viễn thông chi trả đi ra nước ngoài (bao gồm cả dịch vụ bưu chính viễn thông cung cấp cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; cung cấp thuê cầu điện thoại di động đã có mã số, mệnh giá đưa ra nước ngoài hoặc đưa vào khu phi thuế quan);
- Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên;
- Thuộc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu;
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan, trừ các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

(ii) Thu suất 5% được áp dụng đối với:

- (a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác;
- (b) Quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;
- (c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế và bảo quản sản phẩm nông nghiệp;
- (d) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản nuôi trồng chưa qua chế biến trừ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, hải sản và đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc mới chế qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt, bán ra và nhập khẩu;
- (e) Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế, lưới, dây giăng và dây để đan lưới đánh cá;
- (f) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến,

trừ gỗ, măng và sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chế qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và không nhập khẩu;

(g) Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm rơm đường, bã mía, bã bùn;

(h) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo;

(i) Thiết bị, dụng cụ y tế, bông, băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;

(j) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học;

(k) Hoạt động văn hóa, triễn lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;

(l) Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách báo, tạp chí, báo tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học – kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cộng đồng, kê kê dưới dạng băng hoặc đĩa ghi âm, ghi hình;

(m) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ;

(n) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở.

(iii) Thuế suất thông thường 10% được áp dụng đối với những hàng hóa và dịch vụ khác (được giảm còn 8% đến hết ngày

31/12/năm 2024, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ).

Thu Thuế Đặc biệt

Ngoài chịu Thuế GTGT, các đối tượng dưới đây còn phải chịu Thuế Tiêu thụ Đặc biệt với thuế suất từ 5% đến 150%, bao gồm:

- Thu thuế lá điếu, xì gà và các phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi hoặc ngậm;

(ii) Rượu;

(iii) Bia;

(iv) Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi, kể cả xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng loại có hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng;

(v) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm³;

(vi) Tàu bay, du thuyền;

(vii) Xăng các loại;

(viii) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;

(ix) Bài lá;

(x) Vàng mã, hàng mã;

(xi) Kinh doanh vũ trường;

(xii) Kinh doanh dịch vụ mát – xa (massage) và ka-ra-ô-kê;

(xiii) Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi điện tử có thưởng bao gồm các trò chơi bằng máy giắc-pốt (jackpot), máy slot và các loại máy tương tự;

(xiv) Kinh doanh đặt cược;

(xv) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn; và

(xvi) Kinh doanh xổ số.

Các mức thuế suất này được áp dụng từ ngày 01/01/2016. Xe ô tô chạy điện từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 01 tháng 03 năm 2027, thuế suất được giảm từ 10-25% còn 1-11%. Ngoài ra, đối với một số mặt hàng, bao gồm: Thuế lá điếu, xì gà và champagne khác từ cây thuốc lá; Rượu; và Bia, mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tăng dần theo lộ trình riêng.

Ngược lại với các quy định trước đây là các hàng hóa, dịch vụ đã chịu Thuế GTGT thì sẽ không phải chịu Thuế tiêu thụ đặc biệt, thì theo Luật Thuế GTGT, hai loại thuế này có thể cùng đánh vào một mặt hàng hoặc dịch vụ.

Thuế Chuyển Thu nhập Ra Nước ngoài

Từ ngày 1/1/2004, các dự án có vốn nước ngoài và các nhà đầu tư đã không còn phải nộp Thuế Chuyển Thu nhập Ra Nước ngoài. Tuy nhiên, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài hoặc các nhà đầu tư vẫn phải nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoặc Thuế Thu nhập Cá nhân như miêu tả tại Mục 16.3 trên đây và Mục 16.9 dưới đây tùy từng trường hợp.

Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu

Việt Nam đang sửa đổi biểu thuế xuất khẩu và biểu thuế nhập khẩu để xúc tiến xuất khẩu và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế để cắt giảm nhập khẩu và tháo dỡ hàng rào thuế quan theo cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, các hiệp định kinh tế ASEAN, các hiệp định kinh tế ASEAN – Trung Quốc, các Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản và Việt Nam – Nhật Bản, các hiệp định kinh tế ASEAN – Hàn Quốc và hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – Úc – Niu Di-lân, các hiệp định kinh tế ASEAN – Ấn Độ, Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Kinh tế

Á-Âu, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu, Hiệp định Đailateral Trade Agreement và Hiệp định Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Chi Lê, Hiệp định Đailateral Trade Agreement Khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Ít-xra-êl và với các tổ chức thương mại quốc tế khác.

Theo Luật và Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, các dự án có vốn nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào hợp đồng PPP hoặc hợp đồng BCC được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định, bao gồm:

- Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; máy móc, thiết bị và dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định.
- Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài mang vào Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài trong mức quy định.
- Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho bên nước ngoài rồi xuất khẩu, hoặc hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài để gia công cho bên Việt Nam rồi nhập khẩu lại theo hợp đồng gia công.
- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh do Chính phủ quy định.
- Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án khuyến khích đầu tư, dự án đầu tư bằng ODA, bao gồm:

(a) Thiết bị, máy móc;

(b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ và phương tiện đưa đón cán bộ, công nhân; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy;

(c) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải chuyên dùng;

(d) Nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với máy móc, thiết bị;

(e) Vật liệu xây dựng trong nước chưa sản xuất được;

(f) Nguyên liệu và vật tư khác nhập khẩu để thực hiện dự án BOT, BTO và BT.

Việc miễn thuế này cũng áp dụng với trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế và đổi mới công nghệ.

- Giống cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm nông nghiệp đặc biệt khác được phép nhập khẩu vào Việt Nam để thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Việc miễn thuế này cũng áp dụng với trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế và đổi mới công nghệ.

- Hàng hóa là trang thiết bị được nhập khẩu lần đầu theo danh mục quy định của Chính phủ để tạo tài sản cố định của những dự án được ưu đãi về thuế nhập khẩu, dự án đầu tư bằng ODA đầu tư về khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê, nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ kỹ thuật, siêu thị, sân golf, khu du lịch, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, cơ sở y tế khám chữa bệnh, tổ chức đào tạo, các cơ sở văn hóa, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kế toán và dịch vụ tư vấn.
- Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động đầu tư, bao gồm:

(a) Thiết bị, máy móc; phương tiện vận tải chuyên dùng cần thiết cho hoạt động đầu tư; phương tiện vận chuyển để đưa

đón công nhân gôm xe ô tô từ 24 chổ ngồi trỏ lên và phương tiện thuy; kỏ cỏ linh kiện, chỉ tiỏt, bộ phận rời, phụ tùng gỏ lỏp, thay thỏ, khuôn mỏu, phụ kiện đi kèm đỏ lỏp rỏp đỏng bộ hoặc sỏ dụng đỏng bộ với thiỏt bị, máy mỏc, phương tiện vận tỏi chuyên dùng, phương tiện vận chuyỏn đỏ đưa đón công nhân nêu trên;

(b) Vật tư cỏn thiỏt cho hoạt động dỏu khí mà trong nước chưa sỏn xuỏt đượ;

(c) Trang thiỏt bị y tỏ và thuỏc cỏp cứu sỏ dụng trên các dàn khoan và công trình nỏi đượ Bộ Y tỏ xác nhận;

(d) Trang thiỏt bị văn phòng phục vụ cho hoạt động dỏu khí;

(e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuỏt khác phục vụ cho hoạt động dỏu khí.

- Hàng hóa nhập khỏu đỏ sỏ dụng trực tiỏp vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triỏn công nghệ, bao gôm máy mỏc, thiỏt bị, phụ tùng, vật tư và phương tiện vận tỏi trong nước chưa sỏn xuỏt đượ; và công nghệ trong nước chưa tạo ra đượ; tài liệu, sách báo khoa học.
- Nguyên liệu, vật tư và linh kiện nhập khỏu đỏ sỏn xuỏt cỏa dự án trong Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyỏn khích đỏu tư hoặc trong Danh mục địa bàn có điỏu kiện kinh tỏ – xã hội đặc biệt khó khăn đượ miỏn thuỏ nhập khỏu trong thời hạn 5 năm từ khi bỏt đỏu sỏn xuỏt.
- Hàng hóa đỏ sỏn xuỏt, gia công, tái chỏ, lỏp rỏp tại khu phi thuỏ quan không sỏ dụng nguyên liệu hoặc linh kiện nhập khỏu từ nước ngoài vào thị trường trong nước; trong trường hợp sỏ dụng nguyên liệu, phụ tùng nhập khỏu từ nước ngoài thì khi nhập khỏu vào thị trường trong nước sẽ phỏi nộp thuỏ nhập khỏu cho nguyên liệu, phụ tùng cỏu thành nên hàng hóa đó.
- Các trường hợp khác theo quyỏt định cỏa Thủ tướng Chính phỏ.

Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất vào khu phi thuế quan được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với tỷ lệ sản phẩm thực tế xuất khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu có điếu kiện xác định là được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu.

Thuế Sử dụng Đất phi nông nghiệp

Mức thuế suất 0,03% được áp dụng đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và đất phi nông nghiệp (như đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình, v.v.) sử dụng vào mục đích kinh doanh.

Các ưu đãi về thuế này bao gồm:

- Dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư đã được phê duyệt hoặc được thực hiện hiện tại địa bàn có điếu kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư đã được phê duyệt hoặc được thực hiện tại địa bàn có điếu kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định được giảm 50% thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Dự án đầu tư có tổng mức đầu tư từ 6.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên và giới ngân tài thiểu 6.000 tỷ Đồng Việt Nam trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được GCNĐKĐT hoặc quyết định cho trương đầu tư:
- được ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điếu kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn nêu trên.
- trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp GCNĐKĐT hoặc quyết định cho trương đầu tư, được ưu đãi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nêu tại điểm (i) trên cơ sở kê khai thuế của cho dự án; tuy nhiên, ưu đãi có thể bị thu hồi nếu sau thời hạn 3 năm không giới ngân tài thiểu 6.000 tỷ Đồng Việt Nam.

- Dự án đầu tư trên địa bàn nông thôn thuê tối thiểu 500 lao động (không kể lao động không chuyên trách và lao động ký hợp đồng lao động dưới 12 tháng):
- Được ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn nêu tại điểm (b).
- Các dự án đầu tư có từ 500 lao động trở lên được thực hiện ở các khu vực nông thôn và ngoài nông thôn được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu tương ứng.

Ưu đãi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp không áp dụng đối với các dự án đầu tư sản xuất khoáng sản; sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ sản xuất xe có động cơ.

Thuế tài nguyên

Tổ chức khai thác tài nguyên bao gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên, khí than; sản phẩm của rừng tự nhiên, trừ động vật; hải sản tự nhiên, bao gồm động vật và thực vật biển; nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt và nước dưới đất, trừ nước thiên nhiên dùng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; yếm sào thiên nhiên; và tài nguyên khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phải nộp thuế tài nguyên theo các mức thuế suất từ 1 đến 40%.

Thuế Bảo vệ môi trường

Đây là loại thuế gián thu, đánh vào các sản phẩm và hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường, ngoại trừ hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc chuyển khẩu; hàng hóa tạm nhập, tái xuất; hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu, trừ trường hợp tổ chức mua hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường để xuất khẩu.

Đối tượng chịu thuế bao gồm: xăng (trừ êtanon), dầu, mỡ nhờn; than đá; dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC), bao gồm

các h^h hợp có chứa HCFC; túi ni-lông được làm từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE hoặc LLDPE, trừ bao bì đóng gói s^h hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“Bộ TNMT”); các loại thuốc diệt c^h, thuốc trừ m^hi, thuốc b^ho qu^hn lâm s^hn, thuốc kh^h trùng kho thuộc loại hạn chế s^h dụng. Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ xem xét, quy định bổ sung đối tượng chịu thuế khác cho phù hợp với từng thời kỳ khi xét th^hy c^hn thi^ht.

T^h chức, cá nhân s^hn xuất, nhập kh^hu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế ph^hi nộp s^h thuế b^ho vệ môi trường được tính bằng s^h lượng đơn vị hàng hóa chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hóa. Trong đó mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với xăng (trừ êtanon) là 2.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/1 đến hết ngày 31/12/2024 và 4.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/01/2025 tr^h đi; nhiên liệu bay là 1.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12/2024 và 3.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/01/2025 tr^h đi; dầu diesel, dầu mazut và dầu nhờn là 1.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12/2024 và 2.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/01/2025 tr^h đi; mỡ nhờn là 1.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12/2024 và 2.000 Đ^hng Việt Nam/kg từ ngày 01/01/2025 tr^h đi; dầu hỏa là 600 Đ^hng Việt Nam từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12/2024 và 1.000 Đ^hng Việt Nam/lít từ ngày 01/01/2025 tr^h đi; than nâu, than mỡ và các loại than đá khác là 15.000 Đ^hng Việt Nam/t^hn, và than anthracite là 30.000 Đ^hng Việt Nam/t^hn; dung dịch HCFC, bao gồm các h^h hợp có chứa HCFC, là 5.000 Đ^hng Việt Nam/kg; túi ni-lông thuộc diện chịu thuế là 30.000-50.000 Đ^hng Việt Nam/kg; các loại thuốc diệt c^h là 500 Đ^hng Việt Nam/kg, và thuốc trừ m^hi, thuốc b^ho qu^hn lâm s^hn, thuốc kh^h trùng kho thuộc loại hạn chế s^h dụng là 1.000 Đ^hng Việt Nam/kg.

Thu^h Nhà th^hu Nước ngoài

Nhà th^hu nước ngoài s^hn xuất hoặc có hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không theo LĐT, Luật Dầu khí, Luật các TCTD mà chỉ trên cơ s^h ký hợp đ^hng với pháp nhân Việt Nam, và các nhà th^hu

phụ cung cấp dịch vụ cho nhà thầu ở Việt Nam, sẽ phải chịu các loại thuế và thuế suất như các doanh nghiệp trong nước. Các loại thuế bao gồm Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế Xuất khẩu – Thuế Nhập khẩu, Thuế TNCN, và những loại thuế khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhà thầu phụ và nhà thầu nước ngoài có thể lựa chọn một trong ba hình thức nộp thuế GTGT và thuế TNDN, như quy định dưới đây:

(i) Phương pháp kê khai (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế):

Áp dụng đối với các nhà thầu hoặc nhà thầu phụ nước ngoài: Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam; thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực; áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế. Việc nộp thuế được thực hiện giống như với các pháp nhân trong nước với thuế suất thuế GTGT và thuế TNDN như đã trình bày ở trên.

(ii) Phương pháp trực tiếp (nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo phương pháp tính lệ tính trên doanh thu):

Phương pháp này áp dụng khi các nhà thầu hoặc nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Mục (i) ở trên và bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế cho nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc ấn định và nộp thuế GTGT và thuế TNDN, hai loại thuế này được hợp nhất trên doanh thu tính thuế.

(a) Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các

khoản chi phí do bên Việt Nam trả thay nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có). Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được ấn định khác nhau giữa các ngành kinh doanh. Theo đó, thuế GTGT được xác định bằng cách nhân doanh thu tính thuế GTGT với tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định trong bảng dưới đây:

TT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu tính thuế
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bèo hiể; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5
2	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có liên với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	3
3	Hoạt động kinh doanh khác	2

(b) Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, kể cả các khoản chi phí do bên Việt Nam trả thay nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có), chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế cũng được ấn định khác nhau giữa các ngành kinh doanh. Thuế TNDN được tính bằng cách nhân doanh thu tính thuế TNDN với tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế được quy định trong bảng dưới đây:

TT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % Thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam (bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chi (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế – Incoterms}	1
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bèo hiể, thuê giàn khoan	5
	Riêng: – Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino	10
	– Dịch vụ tài chính phái sinh	2
3	Cho thuê tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển	2
4	Xây dựng, lắp đặt có bao thầu hoặc không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	2
5	Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác; Vận chuyển (bao gồm vận chuyển đường biển, vận chuyển hàng không)	2

6	Chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tín dụng, tái bảo hiểm ra nước ngoài, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	0,1
7	Lãi tín dụng vay	5
8	Thu nhập bản quyền	10

(ii) Phương pháp hỗn hợp (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu):

Nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài nếu đáp ứng đủ hai điều kiện nêu tại Mục (i) ở trên và tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính thì đăng ký với cơ quan thuế để thực hiện nộp thuế theo phương pháp này.

Thu Thuế Thu nhập Cá nhân

Tất cả người nước ngoài có thu nhập tại hoặc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào thời gian sống ở Việt Nam đều có nghĩa vụ phải nộp thuế TNCN tại Việt Nam. Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là các thu nhập phát sinh trong hoặc ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam, bất kể thu nhập đó được chi trả từ nguồn nào. Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập tính thuế là các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam, bất kể thu nhập đó được chi trả từ nguồn nào.

Đối với những người có mặt tại Việt Nam với thời hạn ít hơn 183 ngày tính trong một năm dương lịch hay trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam hoặc không có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam là nơi đăng ký thường trú hoặc nhà thuê ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn (gọi là người nước ngoài không cư trú):

- 1% đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa.
- 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ.
- 2% đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải hoặc các hoạt động kinh doanh khác.
- 20% đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- 5% đối với thu nhập từ đầu tư vốn.
- 0,1% đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, không phân

biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

- 2% đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.
- 5% đối với thu nhập từ bản quyền hoặc nhượng quyền thương mại vượt trên 10 triệu Đồng Việt Nam theo từng hợp đồng.
- 10% đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế hoặc quà tặng vượt trên 10 triệu Đồng Việt Nam theo từng lần phát sinh thu nhập.

Đối với những người có mặt tại Việt Nam trên 183 ngày tính trong một năm dương lịch hay trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam hoặc có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam (gọi là người nước ngoài cư trú), sẽ phải nộp thuế TNCN theo biểu thuế lũy tiến từng phần với mức thuế suất cao nhất lên tới 35% thu nhập hàng tháng. Trong trường hợp này, cá nhân cư trú bất kể là người nước ngoài hay người Việt Nam đều phải chịu mức thuế như nhau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế theo năm (triệu Đồng Việt Nam)	Phần thu nhập tính thuế theo tháng (triệu Đồng Việt Nam)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35
Thu nhập tính thuế		Thuế suất (%)	
(a)	Thu nhập từ đầu tư vốn:	5	
(b)	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại:	5	
(c)	Thu nhập từ trúng thưởng:	10	
(d)	Thu nhập từ thừa kế, quà tặng:	10	
(e)	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	20 0,1	
(f)	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	2	

Cá nhân cư trú được giảm trừ gia cảnh (là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công) gồm hai phần: Mức giảm trừ đối với người nộp thuế là 11 triệu Đồng Việt Nam/tháng (132 triệu Đồng Việt Nam/năm), và mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu Đồng Việt Nam/tháng.